| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2025/HC-PT
Ngày 03-01-2025
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Ông Nguyễn Văn Khương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử trực tuyến công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 1113/2024/TLPT-HC ngày 20 tháng 11 năm 2024 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2024/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3413/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** Ông Lý Thanh H, sinh năm 1975. *(Có mặt)*

Thường trú: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ liên hệ: Quán C, đường D, ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

**Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: đường H, khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Khắc Q – Phó Chủ tịch UBND huyện D. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

**Người kháng cáo:* Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện D.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn khởi kiện vào ngày 19/7/2024 và quá trình tố tụng, người khởi kiện trình bày:*

Ngày 28/3/2019, ông Lý Thanh H nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn L và bà Đào Thị L1 phần đất diện tích 7.813,9m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03964 cấp ngày 11/3/2019 thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 63, đất toạ lạc tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng số 583, quyển số 01/2019 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1 cùng ngày 28/3/2019.

Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất bao gồm nhà ở cấp 4 và cao su trồng năm 2005; giá chuyển nhượng tổng cộng 600.000.000 đồng. Ông H giao đủ tiền nhận đất và tài sản trên đất; đăng ký sang tên và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D đăng ký biến động sang tên ông Lý Thanh H vào ngày 12/4/2019.

Hiện nay nhà cấp 4 ông H đã tháo dỡ, ông H làm hàng rào bằng tường xây, móng bê tông + lưới B40.

Tuy nhiên, đến ngày 12/7/2024, Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện D ban hành Quyết định số 1801/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 03694 do UBND huyện D cấp cho ông Trần Văn L ngày 11/3/2019 (đã đăng ký biến động sang tên ông Lý Thanh H ngày 12/4/2019).

Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của UBND huyện D đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông H, với các lý do:

- Tờ trình số 321/TTr-UBND ngày 02/12/2020 của UBND huyện D về việc xin UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân ven sông T đã nêu rõ nguyên nhân hình thành các thửa đất mới so với bản đồ địa chính chính quy năm 1999 là do bản đồ chính quy năm 1999 chụp bằng không ảnh vào mùa mưa, sông Thị T ngập nước diện rộng không thể hiện các thửa đất của người dân. Hầu hết các thửa đất người dân đã khai phá, quản lý, sử dụng ổn định, trồng cao su và các loại cây trồng khác từ trước năm 1999 đến nay. UBND các xã L, L và An L2 từ trước đến nay không thiết lập các thửa đất này là đất công do Nhà nước quản lý.

- Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 29/01/2024 của UBND huyện D đã nêu rõ: không có cơ sở thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: CH 03694 cấp cho ông L theo điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013. Ngoài ra, báo cáo cũng nêu ngày 12/01/2023, Sở T1 đã chủ trì cuộc họp với Thanh tra Sở T1, UBND huyện D và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện. Tại buổi làm việc, các thành phần thống nhất căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai không có cơ sở thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: CH 03694 cấp ngày 12/4/2019 cho ông Trần Văn L

- Quyết định số 1801/QĐ-UBND không nêu rõ thu hồi đất của ai là không đúng theo khoản 26 Điều 1 của Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020

của Chính phủ và hướng dẫn tại mẫu số 10 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 01/6/2014 của Bộ T2.

Do đó, ông H khởi kiện UBND huyện D, yêu cầu Tòa án giải quyết: hủy Quyết định số 1801/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 03694 do UBND huyện D cấp cho ông Trần Văn L ngày 11/3/2019 (đăng ký biến động sang tên ông Lý Thanh H ngày 12/4/2019).

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện* UBND huyện D *là ông* Trần Khắc Q*, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện (văn bản ủy quyền ngày 23/8/2024) trình bày:*

Diện tích đất 7.813,9m², thửa số 130, tờ bản đồ số 63, đất toạ lạc tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương thuộc đất công (đất bãi bồi ven sông T) do Nhà nước quản lý. Do đất bãi bồi ven sông thuộc trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên UBND huyện D ban hành Quyết định số 1801/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 7.813,9m², thửa số 130, tờ bản đồ số 63 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03964 cấp ngày 11/3/2019 là đúng quy định.

UBND huyện D không đồng ý yêu cầu hủy Quyết định số 1801/QĐ-UBND của ông Lý Thanh H.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2024/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:*

Áp dụng Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158, Điều 164, Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Các Điều: 64, 67, 68, 69, 70, 71; điểm d khoản 2 Điều 106; các Điều 206, 207 của Luật Đất đai năm 2013;

Khoản 5 Điều 87 của Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thanh H; tuyên hủy Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của UBND huyện D về việc thu hồi diện tích đất 7.813,9m, thửa số 130, tờ bản đồ số 63 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03964 cấp ngày 11/3/2019 cho ông Trần Văn L (đã đăng ký sang tên ông Lý Thanh H).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 10/10/2024, người bị kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thanh H.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Đại diện người bị kiện có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Người khởi kiện yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng quy định. Quyết định thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được ban hành không đúng quy định về trình tự, thủ tục và về nội dung vì ông Nguyễn Văn L3 đã có quá trình sử dụng đất lâu dài, ổn định, không có tranh chấp, không bị cơ quan chức năng xử lý vi phạm; đất không thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức nào nên không xem là đất công; trong quyết định thu hồi đất không ghi cụ thể thu hồi của ai, cũng không xem xét cây trồng, hàng rào xây dựng trên đất…

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo được làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm do quá trình giải quyết ở giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm đều đã tuân thủ quy định về tố tụng, về nội dung, Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên xử có căn cứ và người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của người bị kiện làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Đối với việc vắng mặt của người bị kiện tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, ông Lý Thanh H yêu cầu huỷ Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của UBND huyện D về việc thu hồi diện tích đất 7.813,9m², thửa số 130, tờ bản đồ số 63 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số CH 03964 cấp ngày 11/3/2019 cho ông Trần Văn L (đã đăng ký sang tên ông Lý Thanh H). Lý do khởi kiện là việc ông nhận chuyển nhượng đất từ ông Trần Văn L từ ngày 28/3/2019 đã được công chứng, chứng thực và chỉnh lý sang tên trên GCNQSD đất vào ngày 12/4/2019. Tài sản trên đất có nhà ở cấp 4 và cây cao su trồng từ năm 2005, ông đã giao đủ tiền và nhận đất và tài sản trên đất, hiện tại ông H đã tháo dỡ nhà cấp 4 và làm hàng rào bằng tường xây, móng bê tông + lưới B40. Việc UBND huyện D ban hành quyết định thu hồi đất và GCNQSD đất đối với ông L đã xâm phạm đến quyền lợi của ông H và trái với các tài liệu như:

- Tờ trình số 321/TTr-UBND ngày 02/12/2020 của UBND huyện D về việc xin UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho các hộ dân ven sông T đã nêu rõ nguyên nhân hình thành các thửa đất mới so với bản đồ chính quy năm 1999 là do bản đồ chính quy năm 1999 chụp bằng không ảnh vào mùa mưa, sông Thị T ngập nước diện rộng không thể hiện các thửa đất của người dân. Hầu hết các thửa đất người dân đã khai phá, quản lý, sử dụng ổn định, trồng cao su và các loại cây khác từ trước năm 1999; UBND các xã L, L và An L2 từ trước đến nay không thiết lập các thửa đất này là đất công do Nhà nước quản lý.

- Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 29/01/2024 của UBND huyện D đã từng nêu: không có cơ sở thu hồi GCNQSD đất cấp cho ông L theo điểm d khoản 2 Điều 106 Bộ luật Đất đai năm 2013. Ngoài ra, báo cáo cũng nêu ngày 12/01/2023, Sở T1 đã chủ trì cuộc họp với Thanh tra Sở T1, UBND huyện D, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện đã thống nhất kết luận không có cơ sở thu hồi GCNQSD đất của ông L theo điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai.

Ngoài ra, ông H cho rằng quyết định thu hồi đất và GCNQSD đất không nêu rõ thu hồi đất của ai là không đúng quy định của khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 01/6/2014 của Bộ T2; việc ban hành không đúng quy định pháp luật về căn cứ thu hồi đất và GCNQSD đất, về trình tự thủ tục ban hành quyết định không đúng.

*Người bị kiện cho rằng:*

Diện tích đất 7.813,9m², thửa số 130, tờ bản đồ số 63 tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện D thuộc đất công (đất bãi bồi ven sông T) do Nhà nước quản lý. Do vậy, không thuộc trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ kết quả giải quyết tố cáo của UBND tỉnh B và Thanh tra tỉnh đã kết luận tại Kết luận số 161/KL-UBND ngày 28/7/2020 có nội dung: rút kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước về đất đai thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện đối với các thửa đất mới hình thành ven sông T trên địa bàn huyện D; tổ chức kiểm điểm trách nhiệm và xử lý theo quy định pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến vi phạm, khuyết điểm; tổ chức kiểm tra, rà soát các trường hợp sử dụng thửa đất có nguồn gốc là đất bãi bồi ven sông T trên địa bàn huyện

D, kiến nghị UBND tỉnh xem xét, xử lý theo quy định; khắc phục hậu quả trong việc cấp GCNQSD đất cho ông Trần Văn L không đúng quy định. Đến ngày 10/6/2024, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Công văn số 2942/UBND-BTCD giao UBND huyện tiếp tục thực hiện việc thu hồi đất, thu hồi GCNQSD đất đã cấp trái quy định cho ông Trần Văn L do cấp không đúng đối tượng.

Ủy ban nhân dân huyện D đã rà soát, xác minh trường hợp sử dụng đất của ông L và ban hành Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 thu hồi đất và GCNQSD đất số CH 03964 cấp ngày 11/3/2019 cho ông Trần Văn L là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập thể hiện:

Về hình thức, Quyết định 1801/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 về thu hồi đất và thu hồi GCNQSD đất là đúng thẩm quyền của UBND huyện theo điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định đã thông qua quá trình giải quyết nội dung tố cáo đối với trường hợp của ông Nguyễn Công D, Lý Thanh H là các cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện D. Theo đó cơ quan Thanh tra tỉnh Bình Dương đã có xác minh và kết luận về sai phạm. Trên cơ sở xử lý của UBND tỉnh B, Ủy ban nhân dân huyện D đã ban hành quyết định thu hồi là đúng trình tự.

Xét nội dung của Quyết định 1801/QĐ-UBND ngày 12/7/2024, về căn cứ pháp luật để ban hành quyết định đã được viện dẫn đầy đủ. Lý do ban hành được xác định là thực hiện theo Kết luận số 161/KL-UBND ngày 28/7/2020 và Công văn số 2942/UBND-BTCD ngày 10/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B, trong đó thể hiện việc cấp GCNQSD đất cho ông Trần Văn L là không đúng đối tượng nên nội dung cập nhật biến động chuyển nhượng cho ông Lý Thanh H cũng không được công nhận. Quyết định cũng giao nhiệm vụ cho tổ chức, cá nhân cụ thể triển khai thực hiện việc thu hồi.

Các tài liệu đã thu thập, chứng cứ được công khai thể hiện nguồn gốc thửa đất cấp cho ông Trần Văn L và trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất cho ông L như sau:

- Theo GCNQSD đất cấp năm 2005 cho ông L đối với diện tích đất ông L nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn B vào năm 2001, được ghi nhận là thửa đất số 81. Ông L nhận đất xong thì có quản lý, sử dụng thêm diện tích khoảng 7.000m² giáp với thửa đất số 81. Tuy nhiên, phần đất này không thể hiện trên Bản đồ địa chính chính quy năm 1999, đến năm 2016 mới thể hiện kết quả qua đo đạc thực tế và được ghi nhận là thửa số 130 (diện tích 7.813,9m², tờ bản đồ số 63, xã L). Tại thời điểm thanh tra thì UBND xã L không cung cấp được hồ sơ địa chính, giấy tờ đăng ký, kê khai đối với diện tích đất này là ông B sử dụng từ trước năm 2001 mà UBND xã L chỉ xác nhận nguồn gốc thửa 130 là tiếp giáp thửa 81, nằm ngoài GCNQSD đất đã cấp cho ông L năm 2005, quá trình sử dụng ông L không kê khai, đăng ký.

- Trong hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của ông L đối với thửa đất 130 được UBND xã L xác nhận ngày 26/01/2019 vào Đơn đăng ký cấp GCNQSD đất (BL 28) ghi nhận nguồn gốc sử dụng là "Công nhận QSD đất như giao đất không có

thu tiền sử dụng đất (ông Trần Văn L nhận chuyển nhượng QSD đất của ông B tháng 6/2001)". Xác nhận này không phù hợp với kết quả thanh tra nêu trên vì ngoài thửa đất số 81, ông B và ông L không có tài liệu chuyển nhượng nào đối với thửa đất số 130. Ông L không cung cấp được tài liệu nào về quá trình quản lý, sử dụng thửa 130 từ năm 2001. Đồng thời, tại thời điểm 2019, UBND huyện D chưa có chủ trương chấp thuận cấp GCNQSD đất đối với các trường hợp bãi bồi ven sông T theo Điều 7 Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh.

- Đơn đăng ký cấp GCNQSD đất ngày 13/12/2018 của ông L – tại phần ghi ý kiến của cơ quan quản lý đất đai đã không ghi nhận bất cứ ý kiến nào của cơ quan có thẩm quyền về việc có đủ điều kiện cấp GCN hay không, cũng như lý do và căn cứ áp dụng. Tại phần xác nhận của Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D chỉ có chữ ký, không ghi họ tên, chức vụ của người ký và đóng dấu mộc. Như vậy đơn đăng ký trên không đáp ứng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, nhưng sau đó hồ sơ của ông L vẫn được giải quyết và tiến hành cấp GCN, chỉnh lý biến động sang ông Lý Thanh H.

- Theo kết quả xác minh của UBND tỉnh B đã xác định lại nguồn gốc thửa 130, tờ bản đồ số 63 thực tế là đất bãi bồi ven sông T, được hình thành do quá trình bồi đắp tự nhiên. Căn cứ khoản 2 Điều 141 Luật Đất đai năm 2013 quy định: "*đất bãi bồi ven sông, ven biển thuộc địa phận xã, phường, thị trấn nào thì do UBND cấp xã đó quản lý*"; khoản 5 Điều 3 quy định về quỹ đất công tại Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh về quản lý và sử dụng quỹ đất do nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương quy định: "*Đất mới hình thành: đất bãi bồi ven sông, đất cù lao trên sông, đất sông, suối, kênh, rạch; đất vùng bán ngập lòng hồ thuỷ điện, thuỷ lợi...*". Do đó, thửa đất số 130, tờ bản đồ số 63 của ông Lý Thanh H được xác định là thuộc quỹ đất công do Nhà nước quản lý.

Với các tài liệu trên, xét thấy quá trình cấp GCNQSD đất cho ông L (cập nhật sang tên cho ông H), cơ quan có thẩm quyền đã xác định sai nguồn gốc đất, thực hiện sai quy trình cấp GCN và tại thời điểm cấp sổ, UBND huyện D chưa có chủ trương chấp thuận cấp GCNQSD đất đối với diện tích bãi bồi ven sông nên việc người bị kiện ban hành Quyết định 1801/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 về thu hồi đất và GCNQSD đất đã cấp cho ông Trần Văn L, chỉnh lý biến động sang tên ông Lý Thanh H là có căn cứ. Quyết định thu hồi nói trên là phù hợp với quy định của điểm a khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013.

Yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thanh H là không có cơ sở để chấp nhận nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện là chưa phù hợp.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét yêu cầu kháng cáo của UBND huyện D về việc sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H: Như phân tích trên, quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định và việc chứng minh, việc thu thập chứng cứ đã thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại Chương V Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ và quyết định chưa phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập và các quy định có liên quan. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thanh H, giữ nguyên Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện D về việc thu hồi diện tích đất 7.813,9m$^2$ thuộc thửa số 130, tờ bản đồ số 63 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03964 cấp ngày 11/3/2019 cho ông Trần Văn L ( đã đăng ký sang tên ông Lý Thanh H).

Ý kiến của Kiểm sát viên và người khởi kiện không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Án phí hành chính phúc thẩm người kháng cáo không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận. Án phí hành chính sơ thẩm người khởi kiện phải chịu do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 58/2024/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**Áp dụng:**

Điều 30, Điều 32, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và Điều 348, Điều 349 Luật Tố tụng hành chính;

Điểm c khoản 1 Điều 64; điểm a khoản 2 Điều 66; Điều 82; Điều 105; điểm a, d khoản 2 Điều 106; khoản 1, 2 Điều 141 Luật Đất đai năm 2013;

Điểm d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án;

**Tuyên xử:**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thanh H về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện D về việc thu hồi diện tích đất 7.813,9m$^2$ thuộc thửa số 130, tờ bản đồ số 63 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03964 cấp ngày 11/3/2019 cho ông Trần Văn L (đã đăng ký sang tên ông Lý Thanh H).

Án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm Ủy ban nhân dân huyện D không phải chịu. Ông Lý Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm,

được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000286 ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND tỉnh Bình Dương (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Dương (1);
- ĐS (2);
- Lưu VP(3), HS(2).14b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thụy Vũ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Nguyễn Thị Thúy Hòa** **Nguyễn Văn Khương**

**THẨM PHÁN**
**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thụy Vũ**